TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **229**/2024/QĐST-HNGĐ	*Long Thành, ngày 13 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 645/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Phạm Đình T, sinh năm 1992
Địa chỉ thường trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.
Địa chỉ tạm trú: ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Phan Thị Thí Thanh T1, sinh năm 1993
Địa chỉ: tổ D, ấp D, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đình T và bà Phan Thị Thí Thanh T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phạm Đình T và bà Phan Thị Thí Thanh T1 có 01 con chung là Phạm Đình Thế V, sinh ngày 16/10/2020. Ông T và bà T1 thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng.

[3] Về tài sản chung: Ông T, bà T1 trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông T và bà T1 trình bày không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đình T và bà Phan Thị Thí Thanh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Đình T và bà Phan Thị Thí Thanh T1 có 01 con chung là Phạm Đình Thế V, sinh ngày 16/10/2020.

Bà Phan Thị Thí Thanh T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Đình Thế V.

Sau ly hôn, ông Phạm Đình T vẫn thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Đình T phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Ông Phạm Đình T và bà Phan Thị Thí Thanh T1 phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016145 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND H.Long Thành;
- Đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Ngọc Quyền